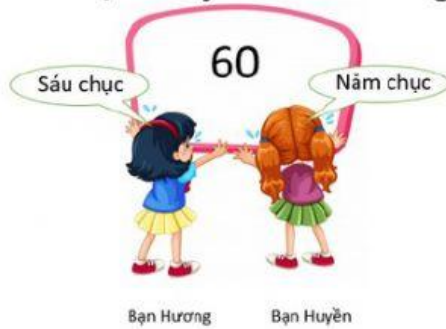


BÀI ÔN TOÁN SỐ 40 CẤP TỈNH (1)

Câu 1. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Hai bạn Huyền và Hương đọc số như sau:



Hỏi bạn nào đọc đúng?

A. Bạn Hương

B. Bạn Huyền

Câu 2. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

34

Số trên có chữ số hàng chục là

A. 3

B. 4

Câu 3. Bạn hãy chọn đáp án đúng. Số gồm 4 chục và 7 đơn vị được viết



Hình a



Hình b



Hình c

trong hình nào dưới đây?

A. Hình a

B. Hình b

C. Hình c

Câu 4. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Bạn Nam nói: "Số 54 gồm 5 chục và 4 đơn vị".

Bạn Mai nói: "Số 54 gồm 4 chục và 5 đơn vị".

Hỏi bạn nào nói đúng?

A. Bạn Nam

B. Bạn Mai

Câu 5. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Hùng có 2 chục viên bi. Mạnh có 19 viên bi.

Khi so sánh số bi của Hùng và số bi của Mạnh ta được kết quả là:

A. Số bi của Hùng ít hơn số bi của Mạnh.

B. Số bi của Hùng bằng số bi của Mạnh.

C. Số bi của Hùng nhiều hơn số bi của Mạnh.

Câu 6. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.



Số cần điền vào dấu ba chấm là một số gồm mấy chục và mấy đơn vị?

Trả lời: ... chục và ... đơn vị.

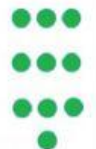
Câu 7. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống. Cho hình sau:

1 Chục	1 đơn vị
	

Mỗi chấm tròn ta coi là 1 đơn vị.

Cần vẽ thêm chấm tròn vào hình nữa thì mới đủ 1 chục, 1 đơn vị.

Câu 8. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

1 chục	1 đơn vị	1 chục	2 đơn vị
			

Hình A

Hình B

Hình A là hình biểu diễn 1 chục 1 đơn vị bằng chấm tròn.

Hỏi cần vẽ thêm vào hình B bao nhiêu chấm tròn để được số gồm 1 chục và 2 đơn vị?

- A. 3 chấm tròn
- B. 2 chấm tròn
- C. 1 chấm tròn

Câu 9. Bạn hãy chọn đáp án đúng.



Bạn Nhi nói: "Số trên hình là số chín mươi".

Bạn Nhi nói đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 10. Bạn hãy chọn đáp án đúng. Số sau có cách đọc là:



- A. Năm mươi tám
- B. Tám mươi lăm
- C. Năm mươi
- D. Tám mươi

Câu 11. Bạn hãy chọn **tất cả** đáp án đúng.



Các số được viết trên bảng là:

- A. Hai mươi
- B. Ba mươi
- C. Bốn mươi
- D. Năm mươi

Câu 12. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Một số có hai chữ số, trong đó chữ số hàng chục là 7, chữ số hàng đơn vị là chữ số nhỏ nhất. Số đó là:

- A. 70
- B. 71
- C. 72

Câu 13. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống theo thứ tự tăng dần.



Trong các số 10, 50, 70: số cần điền vào ô màu tím là....., số cần điền vào ô màu xanh lá cây là.....

Câu 14. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống theo thứ tự tăng dần.



Trong các số 30, 40, 60: số cần điền vào ô màu tím là, số cần điền vào ô màu đỏ là.....

Câu 15. Bạn hãy chọn đáp án đúng. Cho các số sau:



Trong các số trên, số nào vừa lớn hơn 50, vừa bé hơn 90?

- A. 40
- B. 50
- C. 80
- D. 90

Câu 16. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

63 **68**

Dấu cần điền vào ô trống là:

A. >

B. <

C. =

Câu 17. Bạn hãy chọn đáp án đúng. So sánh hai số 22 và 25.

A. $22 = 25$

B. $22 < 25$

C. $22 > 25$

Câu 18. Bạn hãy kéo các đáp án vào ô trống để được câu trả lời đúng.
Cho 2 phép tính:

Phép tính a

$$54 - 31 - 12$$

Phép tính b

$$45 - 24 - 11$$

Phép tính a kết quả là: Phép tính b kết quả là:

Câu 19. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.



Trong các số 84; 86; 83 số lớn nhất là: ...

Câu 20. Bạn hãy điền số thích hợp vào chỗ trống.

Tìm một số có chữ số hàng đơn vị là 1, biết số đó lớn hơn 46 và nhỏ hơn 52. Trả lời: Số đó là:

Câu 21. Bạn Thảo có 23 cái bút, bạn Hằng có 26 cái bút, bạn Tân có 21 cái bút. Lúc sau, bạn Hằng cho bạn Tân 4 cái bút.

Bạn hãy sắp xếp từ trên xuống dưới tên của các bạn theo số bút của mỗi bạn lúc sau theo thứ tự từ bé đến lớn.....

Câu 22. Lớp 1A có 20 học sinh. Lớp 1B có 25 học sinh. Lớp 1C có 23 học sinh. Bạn hãy sắp xếp số học sinh ứng các lớp 1A; 1B; 1C theo thứ tự giảm dần từ trên xuống dưới

Câu 23. Bạn hãy chọn đáp án đúng

Trong tủ đựng sách có ba loại sách: Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh. Biết rằng tủ sách có 37 quyển sách Toán, 42 quyển sách Tiếng Anh, số sách Tiếng Việt nhiều hơn sách Toán và ít hơn sách Tiếng Anh. Hỏi số quyển sách Tiếng Việt có thể là đáp án nào trong các số sau?



- A. 37 quyển sách
- B. 39 quyển sách
- C. 42 quyển sách
- D. 44 quyển sách

Câu 24. Bạn hãy chọn đáp án đúng. Cho phép tính:

$$20 + 30$$

Khẳng định: “Phép tính trên có kết quả là 50”. Khẳng định trên đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 25. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Phép tính nào dưới đây có kết quả bằng 90?

- A. $20 + 20$
- B. $50 + 20$
- C. $50 + 40$

Câu 26. Bạn hãy chọn đáp án đúng.

Phép tính nào dưới đây có kết quả bằng 90?

- A. $30 + 50$
- B. $50 + 40$
- C. $70 + 10$

Câu 27. Bạn hãy sắp xếp từ trên xuống dưới các kết quả các phép tính theo thứ tự từ lớn đến bé.

Phép tính 1: $30 + 10 + 20$.

Phép tính 2: $20 + 20 + 30$.

Phép tính 3: $20 + 10 + 10$.

Câu 28. Điền vào ô trống để được câu đúng.

Tuần thứ nhất cửa hàng điện tử bán được 10 cái ti vi. Tuần thứ hai cửa hàng bán được nhiều hơn tuần thứ nhất là 10 cái ti vi. Khi đó:cửa hàng bán được tất cả cái ti vi

Câu 29. Điền vào ô trống để được câu đúng.

Tháng một bố Hòa đi làm được 20 ngày công. Tháng hai bố đi làm được nhiều hơn tháng một 10 ngày công. Vậy cả hai tháng bố đi làm được tất cả..... ngày công.

Câu 30. Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.

Ban đầu bạn Minh có 7 chục que tính. Sau khi mẹ mua thêm cho Minh một số que tính thì Minh có 90 que tính. Vậy mẹ đã mua thêm cho Minh que tính.